

PHỤ LỤC SỐ 5.13

BẢNG GIÁ ĐẤT KHU VỰC 13

(Cho các xã Minh Châu, Quảng Oai, Vật Lại, Cổ Đô, Bất Bạt, Suối Hai, Yên Bài, Ba Vì)

Đơn vị tính: 1000đ/m²

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Đường Quốc lộ												
1	Quốc lộ 32: Từ tiếp giáp phường Sơn Tây đến giáp siêu thị Lực Tiến	13 725	10 568	7 361	6 903	4 382	3 418	2 278	2 197	2 835	2 211	1 524	1 470
2	Quốc lộ 32: Từ giáp siêu thị Lực Tiến đến ngã tư giao với đường ĐT 412	15 399	11 623	8 079	7 468	4 382	4 031	2 604	2 522	3 402	2 608	1 742	1 687
3	Quốc lộ 32: Đoạn từ ngã tư giao với đường ĐT 412 đến hết địa phận xã Quảng Oai	17 767	13 234	9 181	8 475	6 134	4 644	2 929	2 685	3 969	3 005	1 960	1 796
4	Quốc lộ 32: Đoạn từ giáp địa phận xã Quảng Oai đến trạm điện ngã ba giao cắt đường 411C	13 725	10 568	7 361	6 903	4 382	3 418	2 278	2 197	2 835	2 211	1 524	1 470
5	Quốc lộ 32: Đoạn từ ngã ba giao cắt đường 411C đến trạm thuế Ba Vì	10 588	8 230	5 926	5 497	2 690	2 170	1 640	1 558	1 740	1 404	1 098	1 042
6	Quốc lộ 32: Đoạn từ trạm thuế Ba Vì đến hết địa phận xã Vật Lại	11 371	8 728	6 274	5 812	3 535	2 794	1 960	1 878	2 288	1 808	1 311	1 256
7	Đường Quốc lộ: Đại Lộ Thăng Long đoạn qua xã Yên Bài	9 260	7 315	5 268	4 849	2 391	1 928	1 458	1 384	1 546	1 247	976	925
II	Đường tỉnh lộ:												
8	Đường tỉnh lộ 411 (93 cũ): Đoạn từ giáp QL32 đến tiếp giáp đường nối cầu Văn Lang - QL32	10 588	6 723	4 880	4 526	2 688	1 800	1 362	1 291	1 786	1 196	934	888
9	Đường tỉnh lộ 411 (93 cũ): Tiếp giáp đường nối cầu Văn Lang - QL32 đến đê sông Hồng	8 606	5 625	4 089	3 797	2 220	1 505	1 140	1 083	1 475	1 000	784	744
10	Đường tỉnh lộ 411B (94 cũ): Đoạn từ ngã tư giao cắt xã Vật Lại đến hết Trường THCS Vạn Thắng	7 031	5 625	4 089	3 797	1 842	1 505	1 140	1 083	1 224	1 000	784	744
11	Đường tỉnh lộ 411B (94 cũ): Từ giáp trường THCS Vạn Thắng đến giáp đê Sông Hồng	5 647	4 562	3 274	3 046	1 480	1 204	914	868	984	799	627	596
12	Đường tỉnh lộ 411C (92 cũ): Từ giáp đường Quốc lộ 32 đến cây đa Bác Hồ	10 588	8 016	5 772	5 353	2 689	2 113	1 598	1 517	1 786	1 404	1 098	1 042
13	Đường tỉnh lộ 411C (92 cũ): Từ cây đa Bác Hồ đến bờ đê Sông Đà (tiếp giáp xã Bất Bạt)	8 489	6 513	4 735	4 397	2 191	1 744	1 321	1 255	1 456	1 158	907	862
14	Đường ĐT 412: Từ tiếp giáp QL 32 đến hết UBND thị trấn Tây Đằng cũ, bên cạnh Trường mầm non Tây Đằng	13 725	10 568	7 361	6 903	4 510	3 458	2 235	2 164	2 919	2 237	1 494	1 448
15	Đường ĐT 412: Từ UBND thị trấn Tây Đằng cũ, bên cạnh Trường mầm non Tây Đằng đến Trụ sở Nông trường Suối Hai	10 588	8 230	5 926	5 497	2 688	2 170	1 640	1 556	1 740	1 404	1 098	1 042

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
16	Đường ĐT 412: Đoạn từ trụ sở Nông trường Suối Hai đến hết đường TL412 (đoạn ngã ba giao với đường ĐT 413)	8 489	6 687	4 862	4 514	2 191	1 791	1 356	1 288	1 418	1 158	907	862
17	Đường tỉnh lộ 412B (91 cũ) đoạn qua đập Suối Hai Nổi từ đường ĐT 413 đến đường ĐT 414C	5 921	4 867	3 493	3 247	1 551	1 284	975	926	1 031	853	669	636
18	Đường tỉnh lộ 413 (ĐT 413): Đoạn qua địa phận xã Quảng Oai: Từ giáp phường Tùng Thiện đến hồ suối Hai	9 150	6 723	4 880	4 526	2 230	1 800	1 362	1 291	1 483	1 197	934	888
19	Đường tỉnh lộ 413 (ĐT 413): Đoạn qua giáp xã Quảng Oai đến hết thôn Chi Phú	7 031	5 625	4 089	3 797	1 842	1 505	1 140	1 083	1 224	1 000	784	744
20	Đường tỉnh lộ 413 (ĐT 413): Đoạn từ thôn Chi Phú đến hết đê sông Đà	5 921	4 867	3 493	3 247	1 551	1 284	975	926	1 031	853	669	636
21	Đường tỉnh lộ 414 (ĐT 414): Từ tiếp giáp xã Tùng Thiện đến hết xã Tân Lĩnh cũ	9 019	7 016	5 131	4 723	2 328	1 878	1 420	1 348	1 546	1 247	976	925
22	Đường tỉnh lộ 414 (ĐT 414): Từ giáp xã Tân Lĩnh cũ đến ngã ba giao đường ĐT 414C	7 031	5 625	4 089	3 797	1 842	1 505	1 140	1 083	1 224	1 000	784	744
23	Đường tỉnh lộ 414 (ĐT 414): Từ gngã ba giao đường ĐT 414C đến hết địa phận xã Suối 2	5 921	4 867	3 493	3 247	1 551	1 284	975	926	1 031	853	669	636
24	Đường tỉnh lộ 414B (87B cũ): Từ km 0+00 đến km 0+500 (đoạn từ giáp đường ĐT 414 qua trường cấp I, II Tân Lĩnh)	7 031	5 625	4 089	3 797	1 842	1 505	1 140	1 083	1 224	1 000	784	744
25	Đường tỉnh lộ 414B (87B cũ): Từ km 0+500 đến bãi rác Xuân Sơn - Tân Lĩnh	5 921	4 867	3 493	3 247	1 551	1 284	975	926	1 031	853	669	636
26	Đường tỉnh lộ 414C: Từ giáp đường ĐT 414 (đường 414) đến hết xã Suối Hai	5 181	4 258	3 056	2 843	1 358	1 123	852	811	902	747	586	557
27	Đường tỉnh lộ 414C: Từ giáp xã Suối Hai đến điểm số 1 Đê sông Đà thuộc đại phận xã Bất Bạt	4 506	3 695	2 642	2 458	1 163	975	741	706	774	648	509	485
28	Đường tỉnh lộ 415 (89 cũ) đoạn từ giáp xã Suối 2 đến Chợ Chẹ (thuộc địa phận xã Ba Vì)	5 286	3 954	2 840	2 623	1 387	1 043	791	753	920	693	544	517
29	Đường tỉnh lộ 84 cũ: Từ cây xăng Tân Lĩnh đi Làng Văn hóa dân tộc Việt Nam đến giáp đại lộ Thăng Long	7 442	5 625	4 089	3 797	1 920	1 505	1 140	1 083	1 277	1 000	784	744
	Các tuyến đường khác:												
30	Đường Chùa Cao: Đoạn từ ngã ba giao cắt Quốc lộ 32 tại trụ sở Công ty điện lực Ba Vì đến chân chùa Cao	13 267	9 662	6 840	6 414	2 959	2 170	1 641	1 556	1 916	1 404	1 097	1 042
31	Đường Cổng Ải: Từ ngã ba giao cắt Quốc lộ 32 tại số nhà 158 đến ngã ba giao cuối Chùa Cao tại chân chùa Cao	13 267	9 662	6 840	6 414	2 959	2 170	1 641	1 556	1 916	1 404	1 097	1 042
32	Đường Đông Hưng: Từ khu dân cư giáp chùa Đông, cạnh trường THPT Quảng Oai đến công vào đình Tây Đằng	13 333	10 265	7 150	6 707	4 382	3 359	2 170	2 102	2 835	2 174	1 452	1 406

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
33	Đường Vũ Lâm (đường tránh Quốc lộ 32): đoạn từ ngã tư Quốc lộ 32 – điểm giao cắt Tỉnh lộ 412 đến ngã tư Quốc lộ 32 điểm giao cắt tại Chi cục thuế Ba Vì cũ (hết địa phận xã Quảng Oai)	13 333	10 265	7 150	6 707	4 382	3 359	2 170	2 102	2 835	2 174	1 452	1 406
34	Đường Gò Sóc: Từ ngã ba giao cắt Quốc lộ 32 tại Chi cục thuế Ba Vì cũ (hết địa phận xã Quảng Oai) đến tiếp giáp đường Chùa Cao	13 267	9 662	6 840	6 414	2 959	2 170	1 641	1 556	1 916	1 404	1 097	1 042
35	Đường Phú Mỹ: Từ giáp đường Quốc lộ 32 đến ngã tư tiếp giáp đường tránh Quốc lộ 32	13 333	10 265	7 150	6 707	4 382	3 359	2 170	2 102	2 835	2 174	1 452	1 406
36	Đường Phú Mỹ: Từ ngã tư tiếp giáp đường tránh Quốc lộ 32 đến giáp đê Sông Hồng	10 588	8 230	5 926	5 497	2 688	2 170	1 640	1 556	1 740	1 404	1 098	1 042
37	Đường Tây Đằng: Từ tiếp giáp QL32 Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Ba Vì đến ngã ba Xóm Nam tiếp giáp đường TL 412	13 333	10 265	7 150	6 707	4 382	3 359	2 170	2 102	2 835	2 174	1 452	1 406
38	Đường Ba Vành-Suối Mơ tại xã Yên Bài	5 647	4 562	3 274	3 046	1 386	1 103	837	797	936	746	585	557
39	Đường giao thông liên xã Tiên Phong - Thụy An: Từ giáp đường Quốc lộ 32 đến đoạn giao cắt đường ĐT 413	10 588	7 289	5 249	4 831	2 958	1 921	1 453	1 379	973	1 300	1 016	964
40	Đường Suối Ôi: Từ Suối Ôi đến giáp UBND xã Vân Hòa	5 286	4 182	3 005	2 793	1 386	1 103	837	797	936	747	586	557
41	Đường từ Bãi rác Tân Lĩnh đến giáp đường ĐT 414 (Cây xăng Tân Lĩnh)	5 286	4 182	3 005	2 793	1 386	1 103	837	797	936	747	586	557
42	Đường từ Cổng Vườn Quốc gia đến giáp khu du lịch Hồ Tiên Sa	5 286	4 182	3 005	2 793	1 386	1 103	837	797	936	747	586	557
43	Đường từ Cổng vườn Quốc gia đến Suối Ôi	5 286	4 182	3 005	2 793	1 386	1 103	837	797	936	747	586	557
44	Đường vào khu du lịch Ao Vua: Từ giáp đường ĐT 414 đến giáp khu du lịch Ao Vua	7 031	5 625	4 089	3 797	1 715	1 401	1 061	1 009	1 160	948	743	705
45	Đường vào khu du lịch Khoang Xanh, Thác Đa, Núi Vằng Trắng, Suối Mơ: Từ giáp đường 84 cũ đến tiếp giáp khu du lịch Khoang Xanh	5 815	4 779	3 430	3 189	1 523	1 261	958	910	1 031	853	669	636
46	Đường vào Vườn Quốc gia: Từ giáp đường ĐT 414 đến giáp cổng Vườn Quốc gia	7 031	5 625	4 089	3 797	1 715	1 401	1 061	1 009	1 160	948	743	705
47	Tuyến đường đê Minh Khánh tại xã Minh Quang và Khánh Thượng: Trong đê	5 286	4 182	3 005	2 793	1 386	1 103	837	797	1 030	821	644	613
48	Tuyến đường đê Minh Khánh tại xã Minh Quang và Khánh Thượng: Ngoài đê	4 694	3 803	2 731	2 523	1 213	1 002	761	724	902	747	586	557
49	Tuyến đường nối cầu Văn Lang và Quốc lộ 32	10 588	6 723	4 880	4 526	2 688	1 800	1 362	1 291	1 786	1 196	934	888
50	Đường Vân Trai: Từ ngã ba giao cắt đường Quốc lộ 32 đến giáp đường đi thôn Kim Bí	13 267	9 662	6 840	6 414	2 689	1 921	1 454	1 379	1 819	1 300	1 016	964

TT	Tên đường phố	Giá đất ở				Giá đất thương mại, dịch vụ				Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
51	Đường từ Tỉnh lộ 415 qua chợ Mộc đến đường đê Minh Khánh	5 286	3 954	2 840	2 623	1 262	1 043	791	753	837	693	544	517
52	Đường từ Tỉnh lộ 414 đi khu du lịch Thiên Sơn - Thác Ngà: Từ Công vườn Quốc gia Ba Vì đi du lịch Thiên Sơn - Thác Ngà	5 286	4 182	3 005	2 793	1 334	1 103	837	797	902	747	586	557
IV	Khu dân cư nông thôn												
53	Xã Quảng Oai	2 027				799				584			
54	Xã Vật Lại	2 027				799				584			
55	Xã Cổ Đô	2 027				799				584			
56	Xã Minh Châu	1 842				779				544			
57	Xã Bát Bạt	1 762				698				488			
58	Xã Suối Hai	1 609				656				458			
59	Xã Ba Vì	1 355				584				408			
60	Xã Yên Bài	1 355				584				408			